

Số: 923 /QĐ-CTK

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu,
vật liệu dùng cho sản xuất**

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2026 của Bộ Tài chính do Cục Thống kê chủ trì thực hiện;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Điều tra thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất thực hiện từ năm 2026. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Ban Điều tra thống kê chủ trì, phối hợp với Ban Thống kê Dịch vụ và Giá và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra; xây dựng các loại danh mục mặt hàng điều tra, phương pháp tổng hợp chỉ số giá và các nội dung liên quan khác trình Lãnh đạo Cục ban hành; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Điều 3. Trưởng ban Ban Điều tra thống kê, Trưởng ban Ban Thống kê Dịch vụ và Giá, Trưởng ban Ban Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Cục và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Bích Ngọc (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp);
- Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, ĐTTK_(sb).

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
ĐIỀU TRA GIÁ NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU
DÙNG CHO SẢN XUẤT
(Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ-CTK ngày 16 tháng 7 năm 2025
của Cục trưởng Cục Thống kê)

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất (viết gọn là Điều tra giá NNVL) được thực hiện nhằm các mục đích sau:

- Biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất (viết gọn là chỉ số giá NNVL) thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; thông tin về chỉ số giá NNVL phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật tư, nhiên liệu, phát triển công nghiệp phụ trợ, vùng nguyên liệu và biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.

- Là cơ sở để ngành Thống kê tính giá trị tăng thêm theo phương pháp giảm phát hai lần rút gọn theo ngành kinh tế.

- Đáp ứng nhu cầu thông tin về biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu (NNVL) dùng cho sản xuất giúp các nhà cung cấp NNVL phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tính toán hiệu quả kinh tế, ký kết hợp đồng.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra theo đúng các nội dung quy định trong Phương án điều tra.

- Bảo mật thông tin thu thập theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước, bảo đảm tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra giá NNVL được tiến hành trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là tỉnh, thành phố).

2. Đối tượng điều tra

Các mặt hàng NNVL đại diện dùng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS); công nghiệp chế biến, chế tạo (CNCBCT) và xây dựng thuộc Danh mục mặt hàng đại diện tính chỉ số giá NNVL.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra giá NNVL bao gồm:

- Các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp (gọi chung là doanh nghiệp) và cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể ngành CNCBCT.
- Các cơ sở (doanh nghiệp, cơ sở SXKD cá thể) bán các mặt hàng NNVL đầu vào cho sản xuất NLTS, xây dựng.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra giá NNVL là cuộc điều tra chọn mẫu. Quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của chỉ số giá NNVL cho cả nước và tỉnh, thành phố.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra giá NNVL: Ngày 05 hằng tháng.

Đối với những đơn vị điều tra không bán/mua mặt hàng NNVL đúng ngày điều tra, lấy giá bán/mua của ngày gần nhất trước hoặc sau ngày 05 của tháng điều tra nhưng không muộn hơn ngày 12 hằng tháng.

2. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra: Từ ngày 05-12 hằng tháng.

3. Phương pháp điều tra

Điều tra giá NNVL áp dụng phương pháp điều tra gián tiếp và điều tra trực tiếp.

- *Điều tra gián tiếp*: Áp dụng đối với các đơn vị điều tra là doanh nghiệp thông qua hình thức thu thập thông tin trực tuyến (Webform). Các cơ sở sản xuất thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của cuộc điều tra. Tài khoản đăng nhập hệ thống điều tra được điều tra viên thống kê (ĐTV) cung cấp tới doanh nghiệp/nhà máy/xí nghiệp trước thời điểm điều tra.

- *Điều tra trực tiếp*: Áp dụng đối với đơn vị điều tra là các cơ sở SXKD cá thể. ĐTV đến từng cơ sở gặp người cung cấp thông tin (chủ cơ sở) để phỏng vấn kết hợp quan sát đối tượng điều tra và ghi thông tin vào phiếu điều tra điện tử được thiết kế trên thiết bị di động (CAPI).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung Điều tra giá NNVL bao gồm:

- Thông tin chung của đơn vị điều tra: Tên đơn vị điều tra, địa chỉ, điện thoại, mã số thuế (nếu có).

- Thông tin về giá của mặt hàng NNVL: Tên mặt hàng; quy cách, phẩm cấp chi tiết của mặt hàng; đơn vị tính; khối lượng quan sát và đơn giá quan sát.

Lưu ý:

+ Giá thu thập được bảo đảm là giá sử dụng cuối cùng cho sản xuất (bao gồm giá trị hàng bán; chi phí vận chuyển, bốc xếp đến nơi sản xuất, trợ cấp sản xuất; không tính thuế giá trị gia tăng (VAT)).

+ Do NNVL thường được mua với số lượng lớn nên trong thực tế giá NNVL thường tương ứng với giá bán buôn. Vì vậy, giá thu thập được thống nhất lấy giá NNVL theo giá bán buôn.

+ Đơn vị tính giá của các mặt hàng NNVL dùng cho sản xuất phải đúng với quy định của Danh mục mặt hàng NNVL.

2. Phiếu điều tra

Điều tra giá NNVL sử dụng 01 loại phiếu điều tra để thu thập các thông tin theo nội dung trên, Phiếu số 01/ĐT-G-NNVL.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật đến thời điểm điều tra.

2. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

a) Dữ liệu thu thập từ phiếu Webform

Dữ liệu điều tra được lưu trữ tại máy chủ của hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra trong suốt quá trình thu thập thông tin.

- Điều tra viên thống kê (ĐTV) thực hiện rà soát lại thông tin và yêu cầu đơn vị điều tra hoàn thiện hoặc giải thích đối với các thông tin chưa rõ ràng hoặc chưa nhất quán. ĐTV xác nhận hoàn thành phiếu và duyệt số liệu điều tra.

- Giám sát viên (GSV) các cấp thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

+ Rà soát thông tin, kiểm tra, phát hiện lỗi phiếu điều tra và yêu cầu giải trình số liệu.

+ Thông báo lỗi tới GSV cấp dưới trực tiếp để yêu cầu ĐTV phối hợp với đơn vị điều tra xác minh, giải trình và hoàn thiện thông tin.

+ Sau khi thông tin được hoàn thiện, GSV các cấp thực hiện duyệt số liệu trong phạm vi được giao trên hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra.

b) Dữ liệu thu thập từ phiếu CAPI

Sau khi hoàn thành phiếu, dữ liệu được đồng bộ từ thiết bị của ĐTV về máy chủ của hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra. GSV các cấp thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

- Rà soát thông tin, kiểm tra logic phiếu điều tra và phát hiện lỗi, đưa ra các yêu cầu giải trình số liệu.

- Thông báo lỗi và yêu cầu giải trình cho GSV cấp dưới trực tiếp để ĐTV xác minh, giải trình và hoàn thiện thông tin.

- Sau khi thông tin được hoàn thiện, GSV các cấp thực hiện duyệt số liệu trong phạm vi được giao trên hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra.

2. Biểu đầu ra của điều tra

Biểu đầu ra của Điều tra giá NNVL được thiết kế phục vụ tổng hợp các chỉ tiêu thống kê theo yêu cầu, mục đích điều tra.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Điều tra giá NNVL thực hiện theo kế hoạch sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 5 - 7/2025
2	Xây dựng phiếu điều tra	Tháng 6 - 7/2025
3	Xây dựng quy trình tổng hợp và nối chuỗi chỉ số giá	Tháng 5 - 8/2025
4	Xây dựng cấu trúc chỉ số giá NNVL	Tháng 5 - 9/2025
5	Thiết kế và chọn mẫu, lập danh mục mặt hàng điều tra	Tháng 8 - 12/2025
6	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra	Tháng 8 - 10/2025
7	Tính quyền số	Tháng 01 - 3/2026
8	Xây dựng, kiểm thử các phần mềm phục vụ thu thập thông tin, quản lý/cập nhật mạng lưới, kiểm tra, xử lý, tổng hợp kết quả đầu ra	Tháng 01-6/2026
9	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và phần mềm điều tra	Trước tháng 6/2026
10	Rà soát, kiểm tra, hoàn thiện Danh mục mặt hàng, mạng lưới điều tra phục vụ điều tra chính thức từ năm 2026	Tháng 01 - 6/2026

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
11	In tài liệu (nếu có)	Trước tháng 6/2026
12	Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh (nếu có)	Trước tháng 6/2026
13	Thu thập thông tin	- Hằng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2026. - Tháng 01-9/2026 thu thập thông tin theo Phương án điều tra giá NNVL đang thực hiện năm 2025.
14	Kiểm tra, duyệt dữ liệu	Hằng tháng
15	Tổng hợp kết quả đầu ra	Hằng quý
16	Chuẩn bị nội dung phục vụ công bố chỉ số giá	Hằng quý

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

a) Chọn mẫu, cập nhật danh sách đơn vị điều tra và lập Danh mục mặt hàng điều tra.

Cục Thống kê chủ trì thực hiện công tác thiết kế mẫu, hướng dẫn chọn mẫu, rà soát, cập nhật đơn vị điều tra; lập Danh mục mặt hàng phục rà soát và thu thập thông tin.

b) Tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra

- ĐTV của cuộc điều tra được tuyển chọn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, bảo đảm tiến độ và yêu cầu về chất lượng thông tin thu thập.

- GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát; hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 03 cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp cơ sở. Tùy theo tình hình thực tế tại địa phương, Thủ trưởng cơ quan thống kê cấp tỉnh quyết định việc tuyển chọn giám sát viên phù hợp.

c) Công tác tập huấn

- Cấp trung ương, thành phần tham gia tập huấn bao gồm: GSV cấp trung ương, công chức của các đơn vị thuộc Cục Thống kê; lãnh đạo Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố và giảng viên cấp tỉnh trong năm thay đổi Phương án điều tra và những năm có nội dung nghiệp vụ mới cần quán triệt. Thời gian tổ chức hội nghị: 01 ngày.

- Cấp tỉnh, thành phần tập huấn bao gồm: ĐTV, GSV và công chức cơ quan thống kê cấp tỉnh, giám sát viên cấp cơ sở (nếu có). Thời gian tập huấn: 01 ngày.

Hằng năm, khi có sự thay đổi về GSV, ĐTV hoặc nghiệp vụ bổ sung đơn vị được giao chủ trì thực hiện điều tra căn cứ tình hình thực tế, chủ động tổ chức tập huấn hoặc hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ GSV, ĐTV mới bảo đảm chất lượng của GSV, ĐTV tham gia điều tra.

Hằng năm, khi có sự thay đổi về GSV, ĐTV, hoặc nghiệp vụ bổ sung đơn vị được giao chủ trì thực hiện điều tra căn cứ tình hình thực tế chủ động tổ chức tập huấn hoặc hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ GSV, ĐTV mới bảo đảm chất lượng của GSV, ĐTV tham gia điều tra.

d) Tài liệu điều tra: Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm do Cục Thống kê biên soạn.

d) Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình phần mềm sử dụng cho công tác rà soát đơn vị điều tra và Danh mục mặt hàng điều tra; chương trình phần mềm thu thập thông tin trực tuyến (Webform); chương trình phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động (CAPI); chương trình chọn mẫu đơn vị điều tra; các chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điều tra điện tử, chương trình tổng hợp kết quả điều tra...do Cục Thống kê tổ chức xây dựng.

2. Công tác thu thập thông tin

Thống kê tỉnh, thành phố chỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Tùy theo tình hình thực tế, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chủ động lựa chọn hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp hoặc gián tiếp đối công tác tập huấn, công tác thu thập thông tin tại địa bàn và trên Trang thông tin điện tử của cuộc điều tra.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện song song với quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị doanh nghiệp, ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

4. Nghiệm thu và tổng hợp thông tin

a) Nghiệm thu phiếu điều tra

- Thống kê tỉnh, thành phố kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi tỉnh, thành phố.

- Cục Thống kê kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra cấp tỉnh.

b) Tổng hợp thông tin

Cục Thống kê chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra theo yêu cầu, cụ thể:

b1) Tính hệ số chuyển đổi K

K là hệ số chuyển đổi năm gốc cũ so với năm gốc mới, K được tính như sau:

$$K = I_1/I_2$$

I_1 : Chỉ số giá NNVL quý gốc đầu so với năm gốc cũ.

I_2 : Chỉ số giá NNVL quý gốc đầu so với năm gốc mới.

Công thức tính chỉ số giá năm gốc mới về năm gốc cũ được nối chuỗi theo công thức sau:

$$I_d^{t \rightarrow c} = I_d^{t \rightarrow m} \times K$$

Trong đó:

$I_d^{t \rightarrow c}$ là chỉ số giá nhóm mặt hàng d kỳ t so với năm gốc cũ;

$I_d^{t \rightarrow m}$ là chỉ số giá nhóm mặt hàng d kỳ t so với năm gốc mới.

Hệ số chuyển đổi K cho phép chuyển đổi chuỗi số liệu chỉ số giá NNVL theo năm gốc mới về năm gốc cũ và ngược lại theo năm gốc cũ về năm gốc mới, từ đó tính toán chỉ số giá NNVL theo các gốc so sánh.

b2) Công thức áp dụng tính chỉ số giá NNVL

Công thức Laspeyres bình quân nhân được sử dụng trong tổng hợp chỉ số giá NNVL, cụ thể như sau:

$$I^{t \rightarrow 0} = \left[\prod_{i=1}^n \left(\frac{p_i^t}{p_i^0} \right)^{w_i^0} \right]^{\frac{1}{\sum_{i=1}^n w_i^0}} = \left[\frac{\prod_{i=1}^n (p_i^t)^{w_i^0}}{\prod_{i=1}^n (p_i^0)^{w_i^0}} \right]^{\frac{1}{\sum_{i=1}^n w_i^0}} \quad (1)$$

Trong đó:

$I^{t \rightarrow 0}$: Chỉ số giá NNVL kỳ báo cáo (t) so với kỳ gốc cố định (0);

p_i^1 : Giá NNVL kỳ báo cáo (t);

p_i^0 : Giá NNVL kỳ gốc (0);

n : Số mặt hàng;

$w_i^0 = \frac{p_i^0 q_i^0}{\sum_{i=1}^n p_i^0 q_i^0}$: Quyền số cố định kỳ gốc (0).

b3) Tổng hợp bảng giá kỳ gốc năm 2025

Bảng giá NNVL kỳ gốc năm 2025 được tổng hợp như sau:

- Đối với các mặt hàng thuộc Danh mục mặt hàng NNVL thời kỳ 2014 - 2019: Sử dụng trực tiếp giá NNVL quý III năm 2025 để tính giá bình quân năm gốc 2025.

- Đối với các mặt hàng mới xuất hiện/bổ sung trong Danh mục mặt hàng NNVL phát sinh tại các đơn vị điều tra: Giá bình quân năm gốc 2025 được ngoại suy từ giá điều tra trong quý III/2026.

b4) Tổng hợp quyền số giá NNVL

Quyền số tính chỉ số giá NNVL dùng cho sản xuất là tỷ trọng về chi phí trung gian của từng nhóm NNVL trên tổng chi phí trung gian của tất cả các loại NNVL đưa vào sản xuất. Quyền số năm gốc 2025 được tính theo 02 phân tổ: (i) Tính chỉ số giá chung các loại NNVL dùng cho sản xuất; (ii) Tính chỉ số giá NNVL dùng cho sản xuất đối với ngành xây dựng.

Trong mỗi loại quyền số theo hai phân tổ trên bao gồm: Quyền số dọc và quyền số ngang. Quyền số dọc là tỷ trọng chi phí trung gian của từng nhóm mặt hàng NNVL so với tổng chi phí trung gian của toàn bộ NNVL đưa vào sản xuất và được tính cho các tỉnh, và cả nước. Quyền số ngang là tỷ trọng chi phí trung gian của từng nhóm NNVL đưa vào sản xuất của từng tỉnh, thành phố so với cả nước.

Quyền số chỉ số giá NNVL được tổng hợp từ Dựa vào kết quả Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian (Điều tra IO) năm 2021 theo cả nước và tỉnh, thành phố. Quyền số được cập nhật khi có kết quả Điều tra IO của giai đoạn mới.

b5) Xây dựng cấu trúc chỉ số giá NNVL

Để bảo đảm tính liên tục của chuỗi chỉ số giá NNVL dùng cho sản xuất qua thời gian và phù hợp với cơ cấu các ngành trong thời kỳ mới, cấu trúc chỉ số giá NNVL dùng cho sản xuất theo năm gốc 2025 được xây dựng chi tiết đến nhóm cấp 4.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra giá NNVL do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ Ngân sách nhà nước được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra giá NNVL theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành thống kê./.

